

1. Cấu trúc ngữ pháp câu bị động

Chú thích: S - chủ ngữ, V3/-ed(Vpp/-ed) - động từ cột 3 trong bảng bất quy tắc hoặc động từ đuôi "ed"

Thì hiện tại đơn (Simple Present):

Công thức:

S + be (am/is/are) + V3/-ed + ...

Ví dụ:

- He likes chickens. -> Chickens are liked

Thì quá khứ đơn (Past Simple):

Công thức:

S + was/were + V3/-ed + ...

Ví dụ:

- The storm destroyed the city last night. -> The city was destroyed by the storm last night.

Thì hiện tại tiếp diễn (Present Continuous):

Công thức:

S + be (am/is/are) + being + V3/-ed + ...

Ví dụ:

- He is reading a book. -> A book is being read (by him).

Thì quá khứ tiếp diễn (Past Continuous):

Công thức:

S + was/were + being + V3/-ed + ...

Ví dụ:

- They were listening to music. -> Music was being listened to (by them).

Thì hiện tại hoàn thành (Present Perfect):

Công thức:

S + have/has + been + V3/-ed + ...

Ví dụ:

- They have studied English for two months. -> English has been studied (by them) for two months

Thì quá khứ hoàn thành (Past Perfect):

Công thức:

S + had + been + V3/-ed + ...

Ví dụ:

- They had done the exercises. -> The exercises had been done (by them).

Thì tương lai đơn (Simple Future):

Công thức:

S + will/shall + be + V3/-ed + ...

Ví dụ:

- They will cut the grass tomorrow. -> The grass will be cut (by them) tomorrow.

Thì tương lai tiếp diễn (Future Continuous):

Công thức:

S + will/shall + be + being + V3/-ed + ...

Ví dụ:

- She will be helping you when you come here tomorrow. -> You will be being helped (by her) when you come here tomorrow.

Thì tương lai hoàn thành (Future Perfect):

Công thức:

S + will/shall + have + been + V3/-ed + ...

Ví dụ:

- They will have finished the course by the end of this month. -> The course will have been finished by the end of this month

2. Ngoài ra còn một số những cấu trúc câu bị động thường dùng sau:

Chủ động (active): S + should/could + have + V3/-ed + O.

Bị động (passive): S + should/could + have + been + V3/-ed + ...

Ví dụ:

- You should have bought this book. -> This book should have been bought.

Dùng "It" làm chủ ngữ (mệnh đề làm tân ngữ vẫn được giữ nguyên)

Ví dụ:

- They said that he is kind to you. -> It is said that he is kind to you.

Dùng cấu trúc câu bị động với động từ nguyên mẫu:

Nếu hành động trong mệnh đề làm tân ngữ xảy ra trước hành động của mệnh đề chính, chúng ta dùng: perfect infinitive (to have + V3/-ed)

Ví dụ:

- They said that he had killed the woman.

-> He was said to have killed the woman.

Nếu hành động trong mệnh đề làm tân ngữ xảy ra sau hành động trong mệnh đề chính, chúng ta sử dụng: simple infinitive (to + Vo)

Ví dụ:

- They expect that you will come. -> You are expected to come.

Nếu hành động trong mệnh đề làm tân ngữ xảy ra đồng thời với hành động trong mệnh đề chính, ta dùng: present infinitive (to be + V-ing)

Ví dụ:

- They said that he was doing homework. -> He was said to be doing homework.